TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/DS-ST
Ngày: 13-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn S– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST – DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: 184 H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu M1, sinh năm 1987; địa chỉ: B đường C, phường L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: H đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08 tháng 3 năm 2017, bà Phan Thị L ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với K. Thực hiên thỏa thuận, Ngân hàng TMCP K1 cấp cho bà L thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, theo đó bà L được cấp thẻ tín dụng, loại thẻ: Loại Visa, hạn mức tín dụng thẻ là 20.000.000 đồng; mục đích sử dụng vay vốn để tiêu dùng; thời hạn cho vay 36 tháng; lãi suất cho vay 28%/năm; lãi suất chậm trả 3.5% số tiền chậm trả; phí vượt hạn mức 0.075%/ngày; kỳ hạn trả lãi vay là hàng tháng; các ngày trả lãi vay là ngày 10 hàng tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 44.055.300 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 49.695.000 đồng, trong đó tiến gốc là 38.138.762 đồng; tiền lãi trong hạn là 4.262.822 đồng; tiền phí là 7.293.416 đồng. Tuy nhiên sau đó, kể từ ngày 16-8-2022, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán tiền gốc và lãi chưa thanh toán nhưng đến nay bà L vẫn không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên (tính đến ngày 13-5-2025) là 59.962.898 đồng đồng; trong đó nợ gốc là 5.916.538 đồng; nợ lãi 9.107.128 đồng; tiền phí phạt và vượt là 44.939.232 đồng. Và yêu cầu bà L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn bà L trú tại địa chỉ: H đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ trên nhưng bị đơn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn là từ bỏ quyền chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

"*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Như vậy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L không cung cấp văn bản ý kiến, các tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ đã thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.3] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08 tháng 3 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP K và bà Phan Thị L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.2] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn ký kết, thể hiện bị đơn được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng, hạn mức thẻ 20.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn phù hợp với quy định. Do vậy, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP K đã cấp cho bà L thẻ tín dụng loại visa, hạn mức

tín dụng thẻ là 20.000.000 đồng; mục đích sử dụng vay vốn để tiêu dùng; lãi suất cho vay 28%/năm; lãi suất chậm trả 3.5% số tiền chậm trả; phí vượt hạn mức 0.075%/ngày; kỳ hạn trả lãi vay là hàng tháng; các ngày trả lãi vay là ngày 10 hàng tháng. Tính đến ngày 13-5-2025, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 59.962.898 đồng đồng; trong đó nợ gốc là 5.916.538 đồng; nợ lãi 9.107.128 đồng; tiền phí phạt và vượt là 44.939.232 đồng.

[2.8] Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 14-5-2025 cho đến khi bà L hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng phát hành thẻ đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K đối với bị đơn bà Phan Thị L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Phan Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng K số tiền 59.962.898đ (năm mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là 5.916.538đ (năm triệu, chín trăm mười sáu nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng); nợ lãi 9.107.128đ (chín triệu, một trăm lẻ

bảy nghìn, một trăm hai mươi tám đồng); tiền phí phạt và vượt là 44.939.232đ (bốn mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 14-5-2025, bà Phan Thị L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi và chi phí phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.998.144đ (hai triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004977 ngày 06-01-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huê